

Tổng hợp kiến thức về Đại từ quan hệ WHO

Chào các em, hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tổng ôn lại một phần kiến thức ngữ pháp rất quan trọng trong chương trình tiếng Anh lớp 9, đó là cách sử dụng đại từ quan hệ "**Who**". Đây là kiến thức nền tảng giúp các em viết câu phức tạp và tự nhiên hơn. Hãy cùng bắt đầu nhé!

I. Đại từ quan hệ (Relative Pronouns) là gì?

Đại từ quan hệ là những từ dùng để nối mệnh đề chính (main clause) với mệnh đề phụ quan hệ (relative clause). Chúng đứng ngay sau danh từ mà chúng bổ nghĩa và thay thế cho danh từ đó trong mệnh đề quan hệ.

Các đại từ quan hệ thường gặp là: **who, whom, which, that, whose**.

II. Tìm hiểu chi tiết về Đại từ quan hệ "Who"

1. Định nghĩa và chức năng chính

"**Who**" là đại từ quan hệ chỉ người. Nó được dùng để thay thế cho một danh từ hoặc đại từ chỉ người đứng trước nó.

"Who" có hai chức năng chính trong mệnh đề quan hệ:

- Làm **chủ ngữ (Subject)** cho động từ trong mệnh đề quan hệ.
- Làm **tân ngữ (Object)** cho động từ trong mệnh đề quan hệ.

2. "Who" làm chủ ngữ (Subject) trong mệnh đề quan hệ

Khi "Who" làm chủ ngữ, nó thay thế cho các đại từ nhân xưng chủ ngữ như I, you, we, they, he, she. Theo sau "Who" sẽ là một động từ được chia theo danh từ mà nó thay thế.

Cấu trúc: ... N (person) + WHO + V + (O) ...

Giải thích: Trong cấu trúc này, "Who" đứng ngay sau danh từ chỉ người (N - person) và ngay trước động từ (V) của mệnh đề quan hệ.

Ví dụ minh họa:

1. Câu gốc: *The man is my English teacher. He is talking to the principal.*

→ Câu kết hợp: *The man **who is talking to the principal** is my English teacher.*

(Trong câu này, "who" thay thế cho "he" và làm chủ ngữ cho động từ "is talking").

2. Câu gốc: *The girl won the first prize. She is very intelligent.*

→ Câu kết hợp: *The girl **who is very intelligent** won the first prize.*

(Trong câu này, "who" thay thế cho "she" và làm chủ ngữ cho động từ "is").

3. Câu gốc: *I thanked the firefighters. They saved my cat from the tree.*

→ Câu kết hợp: *I thanked the firefighters **who saved my cat from the tree.***

(Trong câu này, "who" thay thế cho "they" và làm chủ ngữ cho động từ "saved").

3. "Who" làm tân ngữ (Object) trong mệnh đề quan hệ

Khi "Who" làm tân ngữ, nó thay thế cho các đại từ nhân xưng tân ngữ như me, you, us, them, him, her. Theo sau "Who" sẽ là một chủ ngữ khác và động từ.

Cấu trúc: ... N (person) + WHO + S + V ...

Giải thích: Trong trường hợp này, "Who" đứng sau danh từ chỉ người, nhưng theo sau nó là một chủ ngữ (S) mới rồi mới đến động từ (V). Trong văn nói và văn viết thân mật, người ta thường dùng "Who". Trong văn viết trang trọng, "**Whom**" sẽ được ưu tiên sử dụng. Đặc biệt, khi làm tân ngữ trong mệnh đề quan hệ xác định, "Who" có thể được lược bỏ.

Ví dụ minh họa:

1. Câu gốc: *The woman is a famous singer. I admire her very much.*

→ Câu kết hợp: *The woman **who I admire very much** is a famous singer.*

(Trong câu này, "who" thay thế cho "her" và làm tân ngữ cho động từ "admire").

2. Câu gốc: *The boy is my best friend. You met him at my birthday party last week.*

→ Câu kết hợp: *The boy **who you met at my birthday party last week** is my best friend.*

(Trong câu này, "who" thay thế cho "him" và làm tân ngữ cho động từ "met").

3. Câu gốc: *The students are from Japan. Our teacher praised them yesterday.*

→ Câu kết hợp: *The students **who our teacher praised yesterday** are from Japan.*

(Trong câu này, "who" thay thế cho "them" và làm tân ngữ cho động từ "praised").

III. Phân biệt "Who" với "Whom" và "That"

1. So sánh "Who" và "Whom"

Đây là hai đại từ dễ gây nhầm lẫn nhất. Bảng dưới đây sẽ giúp các em phân biệt rõ ràng.

Tiêu chí	WHO	WHOM
Chức năng	Làm chủ ngữ (bắt buộc) hoặc tân ngữ (trong văn nói, không trang trọng).	Chỉ làm tân ngữ .
Mức độ trang trọng	Phổ biến, dùng trong cả văn nói và văn viết.	Trang trọng, thường dùng trong văn viết học thuật, trang trọng.
Ví dụ (làm tân ngữ)	<i>The man who she is talking to is her father. (Phổ biến)</i>	<i>The man whom she is talking to is her father. (Trang trọng)</i>
Đi với giới từ	Giới từ thường đứng cuối mệnh đề. VD: <i>The person who I sent the letter to didn't reply.</i>	Giới từ có thể đứng trước WHOM (rất trang trọng). VD: <i>The person to whom I sent the letter didn't reply.</i>

2. So sánh "Who" và "That"

"That" là một đại từ quan hệ linh hoạt, có thể thay thế cho cả người và vật. Tuy nhiên, có những quy tắc bắt buộc khi nào có thể và không thể dùng "That" thay cho "Who".

- **Có thể dùng "That" thay cho "Who":** Trong mệnh đề quan hệ xác định (defining relative clauses) - là mệnh đề cần thiết để xác định danh từ, không có dấu phẩy.

- **Không thể dùng "That" thay cho "Who":** Trong mệnh đề quan hệ không xác định (non-defining relative clauses) - là mệnh đề cung cấp thêm thông tin, không cần thiết và được ngăn cách bằng dấu phẩy.

Ví dụ minh họa:

- Mệnh đề quan hệ xác định:

*The woman **who** lives next door is a doctor.*

→ Có thể thay bằng "That": *The woman **that** lives next door is a doctor.*
(Người phụ nữ sống ở nhà bên cạnh là một bác sĩ - mệnh đề này giúp xác định "người phụ nữ" nào).

- Mệnh đề quan hệ không xác định:

*My father, **who** is 50 years old, plays tennis very well.*

→ **KHÔNG** thể dùng "That": *My father, **that** is 50 years old, plays tennis very well.* (Sai) (Bố tôi, người đã 50 tuổi, chơi tennis rất giỏi - "bố tôi" đã xác định rồi, mệnh đề chỉ cung cấp thêm thông tin).

IV. Bài tập vận dụng

Bài tập: Kết hợp các câu sau sử dụng đại từ quan hệ "Who"

1. The police officer helped me find the way. He was very kind.
2. The girl is crying. I borrowed her pen.
3. The scientist has won the Nobel prize. He discovered a new planet.
4. My aunt is a teacher. She lives in Da Nang.
5. I want to see the man. He is in charge of the sales department.

Đáp án

1. The police officer **who was very kind** helped me find the way. / The police officer **who helped me find the way** was very kind.
2. The girl **who I borrowed the pen from** is crying. / The girl **whose pen I borrowed** is crying. (Lưu ý: Dùng whose sẽ tự nhiên hơn trong trường hợp này, nhưng who...from vẫn đúng ngữ pháp).
3. The scientist **who discovered a new planet** has won the Nobel prize.
4. My aunt, **who lives in Da Nang**, is a teacher. (Mệnh đề không xác định vì "my aunt" đã xác định).
5. I want to see the man **who is in charge of the sales department**.